TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 ĐỒNG THÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **128**/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 30/3/2026

V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Hồng.
- Các Hội thẩm nhân nhân dân: 1. Ông Dương Văn Siêng.
2. Bà Trần Kim Chi.
- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Võ Anh Thy – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2– Đồng Tháp.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quí– Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 02/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2026 về tranh chấp "Xin Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 123/QĐST-HN ngày 16/3/2026 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Trần Thị Kim N, sinh năm 1976.

Số CCCD 082176019498 cấp ngày 20/8/2021

Địa chỉ: ấp T, xã V, tỉnh Đồng Tháp.

* Bị đơn: Anh Trần Thanh H, sinh năm 1974.

Số CMND 311770466.

Địa chỉ: ấp T, xã V, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn ly hôn, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn trình bày:

Trước đó chị và anh H chung sống với nhau vào năm 1998 nhưng không có đăng ký kết hôn, sau đó đến năm 2009 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G. Hai anh chị chung sống 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H không lo làm ăn, nhậu về đánh đập chị, anh không phụ chị chăm sóc gia đình và hai con. Nay thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nữa chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Thanh H.

- Về con chung: Có 02 con chung Trần Thanh H1, sinh ngày 24/6/1999 đã trưởng thành; Trần Thị Tuyết M, sinh ngày 24/3/2009. Chị Kim N đang nuôi dưỡng con chung; chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Tuyết M, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung, về cháu Trần Thanh H1 đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

* Đối với bị đơn anh Trần Thanh H từ khi Toà án thụ lý đến nay anh H vắng mặt không có lý do và không gởi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Kim N.

* Tại phiên tòa, chị Trần Kim N có đơn xin vắng mặt vẫn giữ y yêu cầu khởi kiện cho chị được ly hôn với và giải quyết vấn đề con chung, tài sản chung, nợ chung như đơn khởi kiện.

* Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến phát biểu: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân anh H, chị N mâu thuẫn trầm trọng, sống ly thân từ năm 2025 đến nay nhưng không thể hàn gắn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

+ Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Thanh H1, sinh ngày 24/6/1999 đã trưởng thành; Trần Thị Tuyết M, sinh ngày 24/3/2009. Chị Kim N đang nuôi dưỡng cháu Tuyết M nên chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu M, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về cấp dưỡng: anh Trần Thanh H không phải cấp dưỡng do chị Kim N không có yêu cầu.

+ Về tài sản chung: không yêu cầu Toà án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Căn cứ vào yêu cầu của anh Trần Thị Kim N về việc tranh chấp "Ly hôn" với anh Trần Thanh H thuộc trường hợp được qui định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36 và điểm b, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2- Đồng Tháp.

[2] Về sự có mặt của các đương sự: Tòa án nhân dân khu vực 2 đã tống đạt hợp lệ cho anh Trần Thanh H nhưng anh vẫn vắng mặt không rõ lý do, chị Trần Thị Kim N

có đơn xin vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh H, chị N theo qui định của pháp luật.

[3] Về hôn nhân: Qua lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

Chị và anh H chung sống với nhau vào năm 1998 nhưng không có đăng ký kết hôn, sau đó đến năm 2009 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G. Hai anh chị chung sống 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H không lo làm ăn, nhậu về đánh đập chị, anh không phụ chị chăm sóc gia đình và hai con. Nay thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nữa chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Thanh H. Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh H nhưng anh vẫn không đến tham dự phiên tòa và không có ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị N điều đó chứng tỏ anh H không có ý muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xác định, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị N là phù hợp với qui định của pháp luật do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Thanh H1, sinh ngày 24/6/1999 đã trưởng thành; Trần Thị Tuyết M, sinh ngày 24/3/2009. Chị Kim N đang nuôi dưỡng cháu Tuyết M, cháu có cuộc sống ổn định nên cần tiếp tục giao cháu M cho chị N nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng: Anh Trần Thanh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không có yêu cầu.

[5] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không có.

[7] Về án phí: Chị Trần Thị Kim N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các đương sự không có yêu cầu nào khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

Từ những nhận định trên và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân phát biểu quan điểm là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36; điểm b, khoản 1 Điều 39, khoản 1, 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

- Căn cứ khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQHK15 ngày 27/6/2025 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về áp dụng án phí, lệ phí.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Kim N

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị Kim N được ly hôn với anh Trần Thanh H.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Thanh H1, sinh ngày 24/6/1999 đã trưởng thành; Trần Thị Tuyết M, sinh ngày 24/3/2009.

Giao cho chị Trần Thị Kim N được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Tuyết M.

- Về cấp dưỡng: Anh Trần Thanh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không có yêu cầu.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung: không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về án phí: Chị Trần Thị Kim N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng. Chị đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011631 ngày 29/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp nên chị đã nộp xong.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án anh Trần Thanh H, chị Trần Thị Kim N được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- *TANDTĐT.*
- *VKSNDKV2.*
- *THADSTĐT.*
- *Các đương sự*
- *Lưu.*

Nguyễn Thị Ánh Hồng